TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023
"*Tranh chấp về ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Danh Út Nhỏ.
Ông Võ Văn Liềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Hoàng Hạt– Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 460/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khu phố PH1, thị trấn GQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

- *Bị đơn*: Anh Trương Thành T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khu phố PH1, thị trấn GQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam: Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Văn N1, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Gò Quao. Địa chỉ: Khu phố PH1, thị trấn GQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt có lý do.

2/ Bà Lê Ngọc L, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu phố PT1, thị trấn GQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim N trình bày:*

Vào năm 2007, chị và anh Trương Thành T có tìm hiểu, quen biết nhau tiến tới kết hôn với nhau, anh chị có tổ chức làm đám theo phong tục tập quán, được hai bên gia đình đồng ý và đến ngày 17/7/2007 được UBND thị trấn Gò Quao cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68. Chị và anh T chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả với nhau, anh T nhiều lần bạo lực gia đình đánh chị và dùng đồ đạt

ném vào người chị, có lần anh T dùng dao ham dọa vì ghen tuôn, đập phá đồ đạt trong nhà; sự việc mâu thuẫn này đã được cha mẹ hai bên động viên, khuyên nhủ hàn gắn lại nhưng chị và anh T vẫn tiếp tục mâu thuẫn; ngoài ra anh T quen người phụ nữ khác. Từ đó chị xét thấy không còn tình cảm với anh T và thấy cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và để trả lại tự do cho nhau. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho được ly hôn với anh Trương Thành T.

- Về con chung: Chị và anh T chung sống có được 02 con tên là Trương Trí Th (giới tính nam), sinh ngày 22/8/2008 và Trương Thị Mai H (giới tính nữ), sinh ngày 18/3/2012, hiện nay hai cháu đang sống cùng với anh chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung và chị cam đoan đảm bảo quyền thăm nom chăm sóc con cho anh T theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị trình bày đã cùng với anh T tự thương lượng với nhau xong theo biên bản thỏa thuận tự phân chia tài sản chung ngày 13/4/2023, cụ thể là: 01 căn nhà (diện tích sàn 93,6m^2) theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 021065, đứng tên đăng ký Huỳnh Thị Kim N, thửa số 01, diện tích 154,13m^2, tờ bản đồ 174-2021, tọa lạc tại: Khu phố Phước Trung 1, thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang và 01 cái quán nước và vật dụng sinh hoạt trong quán tọa lạc: Số 72, Nguyễn Hữu Cảnh, khu phố Phước Trung 1, thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang sẽ giao cho chị toàn quyền sử dụng. Đối với quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 148484, do Huỳnh Thị Kim N đứng tên đăng ký (nhận chuyển nhượng lại từ chị Nguyễn Thị Bích Ng năm 2022), không thửa, diện tích 90m^2, tọa lạc tại: Dự án khu dân cư, thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang và quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DH 679158 do Huỳnh Thị Kim N đứng tên đăng ký, thửa số 1440, diện tích 1.300m^2, tờ bản đồ 7, tọa lạc tại: Khu phố Phước Trung 1, thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang sẽ giao lại cho anh Trương Thành T toàn quyền sử dụng.

Đối với xe môtô BKS 68E1 -141.53 do Huỳnh Thị Kim N đứng tên đăng ký sẽ giao cho chị sở hữu; còn xe môtô nhãn hiệu Honda (Future) 68E1-050.89 sẽ giao cho anh T sở hữu.

Đối với khoản nợ của bà Lê Ngọc L, chị đồng ý đứng ra nhận trả cho bà L. Ngoài ra anh chị không còn nợ ai khác. Về khoản nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gò Quao thì chị đã tất toán xong nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

** Bị đơn anh Trương Thành T trình bày:* Trước đây giữa anh và chị Huỳnh Thị Kim N có tìm hiểu, quen biết và tiến tới kết hôn với nhau và đến ngày 17/7/2007 được UBND thị trấn Gò Quao cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68. Anh và chị N chung sống rất hạnh phúc và có được 02 người con chung; thời gian sau này anh chị có phát sinh mâu thuẫn, có gây gỗ với nhau, anh thừa nhận khi nóng lên thì có những hành động không phải với chị N và vì ghen tuôn nên anh có đánh chị N vài lần và có đập phá đồ đạt trong nhà, tại phiên tòa hôm nay

bản thân anh nhận thấy chị N đã cương quyết ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị N; anh đề nghị chị N phải hoàn tất thủ tục chuyển tài sản theo thỏa thuận qua cho anh xong thì anh mới đồng ý ký tên vào biên bản tự nguyện ly hôn, còn nếu không hoàn tất thủ tục chuyển tài sản qua tên anh thì anh không ký tên vào biên bản tự nguyện ly hôn.

Về tài sản chung: Anh thống nhất với việc tự phân chia tài sản chung theo biên bản thỏa thuận tự phân chia tài sản chung ngày 13/4/2023 mà chị N vừa trình bày ở trên.

- Về con chung: Anh và chị N chúng sống có được 02 đứa con tên là Trương Trí Th (giới tính nam), sinh ngày 22/8/2008 và Trương Thị Mai H (giới tính nữ), sinh ngày 18/3/2012, hiện nay hai cháu đang sống cùng với chị N. Ly hôn anh đồng ý giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh yêu cầu chị N phải đảm bảo quyền thăm nom chăm sóc con cho anh theo quy định của luật.

Đối với khoản nợ của bà Lê Ngọc L thì anh không thừa nhận mà do chị N tự giải quyết với bà L. Đối với khoản nợ tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gò Quao thì chị N đã tất toán xong nên hiện nay vợ chồng anh không còn nợ tại ngân hàng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc L trình bày*: Vào ngày 10/4/2023 chị Huỳnh Thị Kim N có hỏi mượn của bà số tiền 650.000.000đ, mục đích là tất toán khoản vay tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gò Quao và lấy lại 02 quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 021065 và giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 148484; do chỗ thân tình nên bà có cho vợ chồng chị N hỏi mượn số tiền nói trên; nay vợ chồng chị N ly hôn thì bà không có ý kiến gì. Đối với khoản nợ 650.000.000đ của vợ chồng chị N thì bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

Tại văn bản ngày 25/4/2023 người đại diện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gò Quao trình bày: Trước đây vợ chồng anh Trương Thành T và chị Huỳnh Thị Kim N có vay tại ngân hàng và thế chấp 02 quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 021065 và giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 148484, đến ngày 25/4/2023 chị N đã đứng ra thanh toán và tất toán hợp đồng vay tín dụng xong cho ngân hàng và ngân hàng đã giao trả lại tài sản thế chấp cho chị N, đến nay anh T và chị N không có khoản dư nợ nào tại ngân hàng. Ngân hàng xét thấy không còn liên quan gì đến vụ án ly hôn nên xin từ chối tham gia.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T; Về con chung giao 02 con chung là cháu Th và cháu H cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của chị Ng không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung; về tài sản chung đã tự thỏa thuận với nhau xong theo biên bản ngày 13/4/2023 và không yêu cầu xem xét nên miễn xét; về nợ chung khoảng nợ của bà Lê Ngọc L số tiền 650.000.000đ và các đương sự thỏa thuận đồng ý để chị N đứng ra nhận trả cho bà L, do bà L không yêu cầu trong cùng vụ án nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Huỳnh Thị Kim N xin ly hôn với anh Trương Thành T. Nơi bị đơn anh T đang cư trú tại khu phố Phước Hưng 1, thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Huỳnh Thị Kim N và anh Trương Thành T xác lập cuộc sống chung vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gò Quao vào ngày 17 tháng 7 năm 2007. Như vậy chị N và anh T đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N xin ly hôn đối với anh T với lý do trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, anh T nhiều lần bạo hành đánh chị và đập phá đồ đạt trong nhà. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên bảo mà anh T không nghe, thậm chí Công an thị trấn đã lập biên bản vi phạm hành chính nhưng anh T vẫn còn tái phạm. Từ đó cho thấy anh chị không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng cũng không còn tình cảm và không thể nào hàn gắn được. Anh T cũng thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, do tính nóng nên không kiềm chế được đã đánh chị N và đập pháp đồ đạt trong nhà. Từ tháng 11/2022 đến nay giữa chị và anh T không còn chung sống với nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị N và anh T về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng chị N cương quyết ly hôn, không thống nhất đoàn tụ với anh T. Đối với anh T có tham gia trình bày ý kiến tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không ký tên.

[3] Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị N và anh T tại Công an thị trấn Gò Quao xác định được giữa chị N và anh T có xảy ra mâu thuẫn, anh T thường xuyên đến nơi buôn bán của chị N gây gỗ gây mất trật tự công cộng nên bị Công an thị trấn Gò Quao xử phạt vi phạm hành.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền,*

nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

[4] Tại phiên tòa chị N đã tỏa ra thái độ cương quyết ly hôn với anh T, đối với anh T cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của anh chị trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T.

[5] Về con chung: Anh chị chung sống có 02 con tên là Trương Trí Th (giới tính nam), sinh ngày 22/8/2008 và Trương Thị Mai H (giới tính nữ), sinh ngày 18/3/2012, hiện nay hai cháu đang sống cùng với chị N; nay anh chị thỏa thuận thống nhất giao cháu Th và cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung; mặc khác cháu Th và cháu H cũng có nguyện vọng được ở cùng với chị N. Xét thấy sự thỏa thuận này là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận. Đồng thời chị N đảm bảo quyền thăm nom con cho anh T theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Chị N và anh T cùng trình bày đã tự thỏa thuận phân chia như sau: 01 căn nhà (diện tích sàn 93,6m^2) theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 021065, đứng tên đăng ký Huỳnh Thị Kim N, thửa số 01, diện tích 154,13m^2, tờ bản đồ 174-2021, tọa lạc tại: Khu phố Phước Trung 1, thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang và 01 cái quán nước và vật dụng sinh hoạt trong quán tọa lạc: Số 72, Nguyễn Hữu Cảnh, khu phố Phước Trung 1, thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang sẽ giao cho chị N toàn quyền sử dụng. Đối với quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 148484, do Huỳnh Thị Kim N đứng tên đăng ký (nhận chuyển nhượng lại từ chị Nguyễn Thị Bích Ng vào năm 2022), số không thửa, diện tích 90m^2, tọa lạc tại: Dự án khu dân cư, thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang và quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DH 679158 do Huỳnh Thị Kim N đứng tên đăng ký, thửa số 1440, diện tích 1.300m^2, tờ bản đồ 7, tọa lạc tại: Khu phố Phước Trung 1, thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang sẽ giao lại cho anh Trương Thành T toàn quyền sử dụng; Đối với xe môtô BKS 68E1 -141.53 do Huỳnh Thị Kim N đứng tên đăng ký sẽ giao cho chị N sở hữu; còn xe môtô nhãn hiệu Honda (Future) 68E1-050.89 sẽ giao cho anh T sở hữu.

Chị N và anh T xác định đã tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án xem xét phân chia trong cùng vụ án này; Trường hợp có tranh chấp sẽ khởi kiện thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] Về nợ chung: Đối với khoảng nợ 650.000.000đ mà vợ chồng chị N vay của bà Lê Ngọc L thì bà L không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này. Trường hợp có tranh chấp sẽ khởi kiện thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị Huỳnh Thị Kim N phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị Kim N được ly hôn với anh Trương Thành T.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Trí Th (giới tính nam), sinh ngày 22/8/2008 và cháu Trương Thị Mai H (giới tính nữ), sinh ngày 18/3/2012 cho chị Huỳnh Thị Kim N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Thành T không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh T thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của chị N, anh T và bà L. Trường hợp có tranh chấp sẽ khởi kiện thành một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Kim N phải chịu án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001817, ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị N đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 30/6/2023. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND thị trấn Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tôn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn